TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 106**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17/10/2018
V/v tranh chấp:“ *Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Kim Thạnh
2. Ông Trần Thanh Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 382/2018/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018, về việc tranh chấp: “*Ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ N, sinh năm 1986

Hộ khẩu thường trú: Xã H, thị xã H, tỉnh V. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Đỗ Hoàng A, sinh năm 1984

Hộ khẩu thường trú: Phường T, thành phố X, tỉnh G (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ N trình bày:* Chị và anh Đỗ Hoàng A do tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2011, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố X, tỉnh G theo giấy chứng nhận kết hôn số 159, quyển số 01/2011 cấp ngày 16/8/2011, đây là hôn nhân lần thứ nhất của anh chị. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2014, giữa vợ chồng không còn tình cảm do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường tranh cãi, vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 02/2014 cho đến nay. Do, chị và anh Hoàng A không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Hoàng A.

+ Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống không có con chung.

+ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phần trình bày của bị đơn anh Đỗ Hoàng A: Vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết đối với vụ án nên không có ý kiến trình bày

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh Đỗ Hoàng A được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Phạm Thị Mỹ N với anh Đỗ Hoàng A, về quan hệ con chung chị Phạm Thị Mỹ N trình bày trong quá trình chung sống cùng anh Hoàng A cả hai không có con chung, về quan hệ tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Đỗ Hoàng A mặc dù được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh Đỗ Hoàng A vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Chị Phạm Thị Mỹ N khởi kiện xin ly hôn với anh Đỗ Hoàng A đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Vào năm 2011, chị Phạm Thị Mỹ N và anh Đỗ Hoàng A tự tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Hôn nhân giữa hai bên trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố X, tỉnh G theo giấy chứng nhận kết hôn số 159, quyển số 01/2011 cấp ngày 16/8/2011. Theo chị N trình bày vợ chồng chung sống đến năm 2014, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường tranh cãi do bất đồng quan điểm. Tại phiên tòa, chị N xác định chị đã nhiều lần suy nghĩ nhưng vợ chồng khó hàn gắn, tình cảm không còn và chị N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh Hoàng A. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng A được tống đạt các văn bản nhưng anh không đến Tòa án cũng như không có ý kiến đối với việc chị N xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc sống hôn nhân phải trên

cơ sở tự nguyện chị N không đồng ý tiếp tục chung sống cùng với anh Hoàng A, còn anh Hoàng A không có ý kiến trình bày. Hôn nhân giữa chị N với anh Hoàng A không còn tồn tại trên thực tế từ năm 2014 cho đến nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Mỹ N với anh Đỗ Hoàng A.

[4] *Về con chung:* Nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ N trình bày giữa chị N với anh Hoàng A chung sống với nhau không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị N trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng anh Hoàng A vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị Phạm Thị Mỹ N phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 232; khoản 1 Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ N đối với anh Đỗ Hoàng A

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Mỹ N với anh Đỗ Hoàng A.

2. *Về con chung:* Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm:*

4.1. Chị Phạm Thị Mỹ N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008303 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày 25/5/2018. Chị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2. Anh Đỗ Hoàng A không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Chị Phạm Thị Mỹ N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, anh Đỗ Hoàng A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ;VP.

Trịnh Ngọc Thúy